Name: ……...

Date: …. /…. /20....

Class: S4…

Tel: 034 200 9294

Ngữ pháp: ……

Đọc:……

Nghe: ……

Mini Test: ……..…...

GLOBAL ENGLISH 4

UNIT 8: NATURE MATTERS - GRAMMAR 2

❖ ***Lưu ý 1:*** *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ* ***1 dòng*** *để ghi nhớ nhé.*

❖ ***Lưu ý 2****: Con không sử dụng dạng viết tắt của các trợ động từ ở thể phủ định.*

A. GRAMMAR

I. WILL FOR PROMISES

Cách dùng		Dùng để nhấn mạnh một lời hứa về tương lai.
Cấu trúc	(+)	S + will + V-inf.
	(-)	S + will not (won't) + V-inf.
Ví dụ		I promise I **will help** my mother with the housework. *(Tớ hứa rằng tớ sẽ giúp mẹ việc nhà.)*

❖ Chúng ta thường sử dụng cùng những từ như "I promise *(Tôi hứa)*, I swear *(Tôi thề)*, I assure you *(Tôi đảm bảo với bạn)*, …"

II. "HAVE TO" TO EXPRESS OBLIGATION

- Cách dùng: được dịch là "phải", dùng để diễn tả sự bắt buộc.
- Công thức:

(+) S + have to / has to + V-inf.	**(?)** Do/Does + S + have to + V-inf? ➔ Yes, S + do / does. ➔ No, S + do not (don't) / does not (doesn't).
(-) S + do not (don't) / does not (doesn't) + have to + V-inf.	

- Ví dụ: I **have to get** there as soon as I can. *(Tớ phải đến đó càng sớm càng tốt.)*

❖ Lưu ý:

1. Nếu muốn diễn tả nghĩa "phải" ở quá khứ ta sử dụng **HAD TO**.
2. **DO NOT HAVE TO** (KHÔNG CẦN PHẢI): diễn tả một việc không cần thiết.
   She **does not have to finish** her report. *(Cô ấy không phải hoàn thành báo cáo của mình.)*
3. S = Subject: Chủ ngữ, V-inf = Infinitive: Động từ nguyên mẫu.

No	Words	Meanings	No	Words	Meanings
1	café (n)	quán ăn, nhà hàng nhỏ	4	invite (v)	mời
2	pinic area	khu vực cắm trại	5	do well in an exam	làm tốt trong bài kiểm tra
3	correctly (adv)	một cách đúng đắn	6	exit (n)	lối thoát

❖ **Note**: n = noun: danh từ, v = verb: động từ, adv = adverb: trạng từ

LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

I. Fill in the blanks with the correct letter.

~~A. will ride~~	B. will clean	C. will pay
D. won't play	E. will help	F. will call

*0. I promise I **A** my bike more.*

1. Anya swears that she _____ for this meal.
2. I promise that I _____ my bedroom in 5 minutes.
3. Believe me. I assure you that I _____ you later.
4. I promise I _____ my father clean the car.
5. The kid promises that he _____ video games for 2 days.

II. Choose the underlined part in each sentence (A, B or C) that needs correcting and correct it.

0. *I has been to Australia.*

(A.) has *B. been* *C. to* *Correct: **have***

1. I am not working tomorrow so I do not had to get up early.

A. am B. do not C. had to Correct: _____

2. Do they has to do army training when they are at military school?

A. Do B. has to C. do Correct: _____

3. She have to take the bus because her car broke down.

A. have to B. take the bus C. because Correct: _____

4. The girls do not have to wearing uniforms.

A. do not B. have to C. wearing Correct: _____

5. Susie have to go to the zoo for her assignment.

A. have to B. go to the zoo C. for Correct: _____

III. Circle the correct answer.

*0. Does Joe **(have to / has to)** be here?*

1. I **(have to / had to)** go to the hospital. I want to meet my old friend for the last time.
2. She **(has to / does not have to)** tell everyone about the news, they have already known it.
3. **(Do you have to / Do not you have to)** go home early? Your parents must be worried.
4. I **(have to / has to)** brush my teeth three times a day.
5. If you do not like him, you **(do not have to / have to)** see him again.

LIVEWORKSHEETS

IV. Choose the correct answer.

0. He is waiting for me so I _____ go now.

A. *do not have to* **(B.)** *have to* **C.** *had to*

1. When Patrick starts his new job next month, he _____ drive 50 miles to work.

A. have to **B.** has to **C.** does not have to

2. I swear I _____ on you again.

A. will never cheating **B.** will never cheat **C.** never will cheat

3. I assure you that we will _____ our best to win the prize.

A. to do **B.** doing **C.** A & B are incorrect

4. **A:** Do you have to wear a tie for school? - **B:** _____.

A. Yes, I have not to. **B.** No, I do not. **C.** Yes, I does.

5. Steve did not know how to use the computer so I _____ teach him.

A. have to **B.** didn't have to **C.** had to

V. Why plastic bottles are bad for the environment? What can we do to reduce and reuse them? Write a short text (40 - 50 words)

LIVEWORKSHEETS

Lưu ý: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc

Questions 1–6

For each question, choose the correct answer.

1



Where might you see this?

A in a café

B in a library

C in a picnic area

2



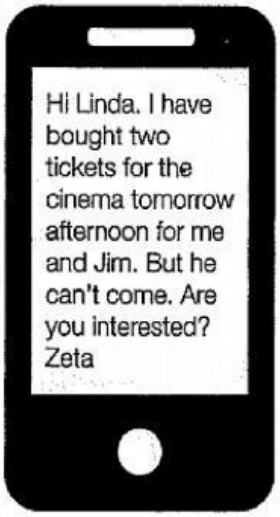
Speak to Mrs Thompson if

A you've got an extra key.

B you have lost something.

C you know where the bag is.

3



Zeta has written to

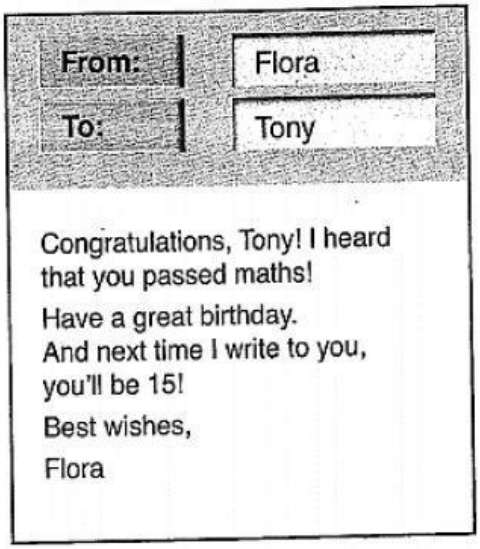
A invite Linda to go and see a film.

B ask Linda what films she's interested in.

C tell Linda where to meet Jim tomorrow.

LIVEWORKSHEETS

4



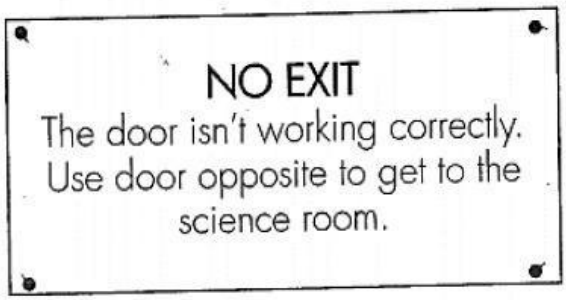
What has Tony just done?

A met Flora

B had a birthday

C done well in an exam

5

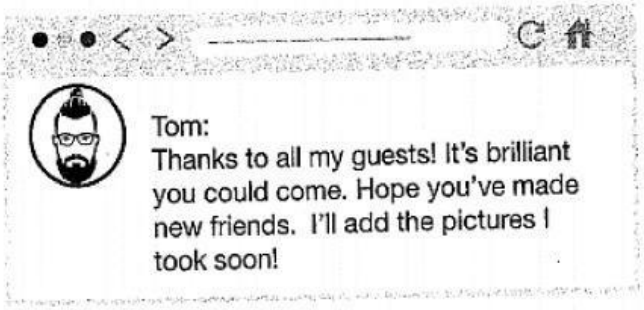


A Please go to the science room now.

B You can't go out through this door.

C The science laboratory is being used by other people today.

6



Tom is writing about

A a party that he had.

B a picture that he saw.

C some people that he has just met.

LIVEWORKSHEETS

I. Fill in the blank to complete the words.

0	n g l e t h (n)	**length**	3	b e g r a o d b l d a i e (adj)	b _ o _ e _ r a d _ b _ e
1	e d u r c e (v)	r e _ u _ _	4	o c b a r (n)	_ o b _ _
2	r u s e e (v)	r _ _ s _	5	c y c l e r e (v)	_ e c _ c l _

II. Combine the sentences using RELATIVE CLAUSES.

0. He worked for a woman. She used to be an artist.

➔ ***He worked for a woman who/that used to be an artist***.

1. Do you know the girl? She is speaking to the headmaster.

➔ _____?

2. The boy has just moved. He knows the truth.

➔ _____.

3. I do not remember the man. He was at the canteen last week.

➔ _____.

4. The tree has lovely flowers. The tree stands near the gate of my house.

➔ _____.

❖ ***Lưu ý:*** *Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở* ***1 dòng***.

LIVEWORKSHEETS